

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 940/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 22/7/2020
V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Ba

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Tý
2. Bà Trần Thị Thiếu Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Gấm - Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Tĩnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1071/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Phượng H**, sinh năm 1991
Địa chỉ: ấp 4, xã L, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn Thanh M**, sinh năm 1979
Địa chỉ: 25/29 đường H, phường M, quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.
Nguyên đơn và bị đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và biên bản hòa giải thì nguyên đơn Nguyễn Phượng H trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn Thanh M quen biết từ nhỏ, sau đó gia đình hai bên làm đám cưới và chung sống với nhau vào năm 2007, đến năm 2015 mới đăng ký kết hôn, có Giấy chứng nhận kết hôn số 59/2015, quyển số 01/2015 do UBND thị trấn Đông Thành, huyện Đức Huệ, Tỉnh Long An cấp ngày 10/11/2015.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống không hạnh phúc, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, Ông M

thường hay mắng chửi bà, không quan tâm, chăm sóc vợ con, không có trách nhiệm của người chồng người cha trong gia đình và có người phụ nữ khác bên ngoài. Vợ chồng ly thân từ năm 2019 đến nay.

Thời gian chung sống bà và ông M có một con chung tên Nguyễn Trường Gi, sinh ngày 13/3/2008, hiện đang sống với mẹ. Vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông M, con chung bà yêu cầu được nuôi và không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con. Ngoài ra không còn yêu cầu gì khác.

Bị đơn Nguyễn Văn Thanh M trình bày: Ông xác nhận thời gian kết hôn, chung sống, như bà H khai. Quá trình chung sống thường xuyên mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hợp nhau. Vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Trường Gi, sinh ngày 13/3/2008, hiện nay đang sống với bà H. Tài sản chung và nợ chung không có. Nay bà H xin ly hôn ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà H. Con chung đồng ý giao cho bà H nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con. Do bận công việc nên ông M xin vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt do bận công việc và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn có đơn xin vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý đến xét xử: Đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật về thẩm quyền thụ lý vụ án, về xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, tiến hành xác minh thu thập chứng cứ, thông báo và tiến hành phiên họp kiểm tra, tiến cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự theo đúng quy định. Giao quyết định đưa vụ án ra xét xử và hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng quy định. Tuy nhiên, thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đảm bảo đúng theo quy định.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đúng thành phần, thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục do pháp luật quy định về việc xét xử sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: từ khi thụ lý cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và có đơn xin vắng mặt.

Về nội dung: Bà H và ông M có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn Đông Thành, huyện Đức Huệ, Tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận số 59/2015, quyển số 01/2015 ngày 10/11/2015. Theo bà H thời gian đầu sống hạnh phúc, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, ông M không quan tâm, chăm sóc vợ con, không có trách nhiệm của người

chồng người cha và có người phụ nữ khác bên ngoài, vợ chồng ly thân từ năm 2019. Nay tình cảm không còn nên bà xin ly hôn với ông M. Ông M đồng ý ly hôn với bà H.

Xét thấy, cuộc sống chung của bà H và ông M không hạnh phúc, cả hai đều không có ý muốn hàn gắn, không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau chứng tỏ mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ Điều 51 và 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 việc bà H xin ly hôn với ông M, là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Bà H có nguyện vọng được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng, ông M cũng đồng ý giao con chung cho bà H phù hợp với nguyện vọng của trẻ Nguyễn Trường Gi, do vậy căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 yêu cầu được nuôi dưỡng con của bà H là có cơ sở chấp nhận. Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không xét.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn. Bị đơn cư trú tại quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt với lý do bận công việc. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Bà Nguyễn Phụng H và ông Nguyễn Văn Thanh M đám cưới và chung sống với nhau vào năm 2007, đến năm 2015 đăng ký kết hôn, có Giấy chứng nhận kết hôn số 59/2015, quyền số 01/2015 do UBND thị trấn Đông Thành, huyện Đức Huệ, Tỉnh Long An cấp ngày 10/11/2015 nên hôn nhân của bà H và ông M là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống không hạnh phúc, từ năm 2018 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông M không có trách nhiệm của người chồng người cha trong gia đình, thường hay mắng chửi bà H, không quan tâm, chăm sóc vợ con và có người phụ nữ khác bên ngoài. Vợ chồng ly thân từ năm 2019 đến nay.

Nay bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông M. Xét yêu cầu của bà H là có cơ sở bởi lẽ, theo Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng,

quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”, hôn nhân của bà H và ông M không hạnh phúc, ông M cũng thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không hợp nhau và ông cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà H. Xét thấy cả hai bên đương sự đều mong muốn ly hôn, không có ý muốn hàn gắn, đoàn tụ gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình thì yêu cầu xin ly hôn của bà Phượng H là có căn cứ và phù hợp với ý kiến của bị đơn nên chấp nhận.

Về con chung: Hai bên đương sự khai có 01 con chung tên Nguyễn Trường Gi, sinh ngày 13 tháng 3 năm 2008, hiện đang sống với mẹ. Bà H yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của bà H là tự nguyện và phù hợp với nguyện vọng của trẻ Nguyễn Trường Gi nên Tòa án chấp nhận, giao cho bà H được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Trường Gi, bà H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên đương sự khai không có nên không xem xét giải quyết.

Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân là phù hợp, có căn cứ nên chấp nhận.

[3] Về án phí sơ thẩm: Bà H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, 56, 58 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Phượng H.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Phượng H được ly hôn với ông Nguyễn Văn Thanh M. Giấy chứng nhận kết hôn số 59/2015, quyền số 01/2015 do Ủy ban nhân dân thị trấn Đông Thành, huyện Đức Huệ, Tỉnh Long An cấp ngày 10/11/2015 không còn giá trị.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Trường Gi, sinh ngày 13 tháng 3 năm 2008 cho bà H được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà H không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con; việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên đương sự khai không có nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Phượng H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0018730 ngày 05/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND Q. Bình Tân;
- Chi cục THA.DS Q. Bình Tân;
- UBND nơi cấp GCN kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký và đóng dấu)

Lê Thị Thu Ba